

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 377/2025/DS-PT
Ngày 28/07/2025
“V/v Tranh chấp đòi lại tài sản
từ hợp đồng góp hui”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chế Linh

Các Thẩm phán: Ông Võ Bảo Anh

Ông Nguyễn Vĩnh Khương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Nguyễn Phương Nhã là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:
Bà Đỗ Thị Hồng Nhi - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 140/2025/TLPT-DS ngày 23 tháng 5 năm 2025 về việc “Tranh chấp đòi lại tài sản từ hợp đồng góp hui”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2025/DS-ST ngày 21 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt (nay là Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cần Thơ) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 310/2025/QĐ-PT ngày 05 tháng 6 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 310/1/2025/QĐ-PT ngày 26 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 332/2025/QĐ-PT ngày 15 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Khưu Kim X, sinh năm 1979.

Địa chỉ: A T, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ (Nay là phường T, thành phố Cần Thơ).

Đại diện theo uỷ quyền: Bà Phan Nguyễn Hoa T, sinh năm 1994 (Có mặt).

Địa chỉ: A T, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ (Nay là phường T, thành phố Cần Thơ).

Văn bản uỷ quyền ngày 18/8/2023

- *Bị đơn:*

1. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1979 (Có mặt).

Địa chỉ: C khu vực L, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ (Nay là phường T, thành phố Cần Thơ).

2. Ông Nguyễn Hữu G, sinh năm 1973 (Có mặt).

Địa chỉ: khu V, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ (Nay là phường T, thành phố Cần Thơ).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Lâm Thị Bích P, sinh năm 1983 (Có mặt).

Địa chỉ: C khu vực L, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ (Nay là phường T, thành phố Cần Thơ).

2. Ông Nguyễn Phước T1, sinh năm 1971 (*đề nghị giải quyết vắng mặt*).

Địa chỉ: 4 khu V, phường C, quận Ô, thành phố Cần Thơ (Nay là phường Ô, thành phố Cần Thơ).

- *Người làm chứng:* Ông Lê Ngọc V, sinh năm 1981 (*đề nghị giải quyết vắng mặt*).

Địa chỉ: F khu vực Q, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ (Nay là phường T, thành phố Cần Thơ).

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Văn H và ông Nguyễn Hữu G là các bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:*

Bà Khru Kim X có làm chủ 02 dây hội: 30.000.000đ/tháng và dây hội 20.000.000đ/tháng có ông Nguyễn Văn H và ông Nguyễn Hữu G là hội viên và có làm danh sách hội viên.

Đối với dây hội 30.000.000đ/tháng, hội có lãi. Hội mở ngày 10/11/2016 DL và kết thúc ngày 10/6/2018 DL. Tiền hoa hồng là 12.000.000đ/lần hốt hội. Có 23 thành viên tham gia với 40 phần, chia làm 2 dây nhỏ mỗi dây có 20 phần. Lý do 23 thành viên mà tới 40 phần là do có thành viên tham gia nhiều phần. Hội không bốc thăm, mặc nhiên số tiền lời là 4.500.000đ/lần hốt hội. Trong tháng được nhiều phần hội được hốt và khi hội viên muốn hốt thì chủ hội tự bỏ tiền để mua hội của các hội viên để giao tiền cho người cần hốt hội. Do đó, trong tháng có nhiều phần hội được hốt nhưng sẽ không có hội viên hốt trước, hốt sau, tất cả đều hốt hội 01 lượt. Trong đó ông Nguyễn Văn H tham gia 02 phần của 02

dây hội nhỏ, mỗi dây có 20 phần, ông Nguyễn Hữu G tham gia 04 phần của 02 dây nhỏ, mỗi dây tham gia 02 phần. H và G đều tham gia cùng dây hội nhỏ.

Đối với ông Nguyễn Văn H.

Trong dây hội 30.000.000đ/tháng, ông Hữu Đ được 01 lần hội sống ngày 10/11/2016 cho 02 phần và đến ngày 10/12/2016 hốt cả 02 phần của 02 dây hội được số tiền 954.000.000đ, tiền hốt hội do vợ ông H là bà Lâm Thị Bích P nhận và ký tên vào bảng chi tiết hốt hội khai ngày 10/11/2016 DL và người giao tiền là Nguyễn Phước T1 là người làm công cho nguyên đơn. Sau khi hốt hội thì ông H không đóng lại hội chết. Như vậy, còn 36 lần hội chết chưa đóng với số tiền 1.080.000.000đ (36 x 30.000.000đ). Các lần hội chết ông H không đóng thì bà X là người góp hội thay cho ông H.

Đối với ông Nguyễn Hữu G.

Trong dây hội 30.000.000đ/tháng, ông G hốt hội lần đầu ngày 10/11/2016 cả 02 phần hội của 02 dây nhỏ với số tiền 894.000.000đ tiền hốt hội do ông G nhận và ký tên vào bảng chi tiết hốt hội khai ngày 10/11/2016 và người giao tiền là Nguyễn Phước T1, sau khi hốt 02 phần hội thì ông G còn nợ 38 lần hội chết không đóng với số tiền 1.140.000.000đ (30.000.000đ x 38 lần).

Ngày 10/01/2017 ông G hốt hội của 02 phần còn lại được số tiền 903.000.000đ ông G nhận và ký tên vào bảng chi tiết hốt hội khai ngày 10/11/2016 và người giao tiền là Nguyễn Phước T1, 02 phần hội này ông G đóng được 02 lần hội sống thì hốt hội, còn nợ lại 34 lần hội chết chưa đóng với số tiền 1.020.000.000đ (34 x 30.000.000đ).

Tuy nhiên, ngày 10/01/2017 khi ông G hốt hội đã đóng luôn 02 phần hội chết nên lần hốt hội ngày 10/11/2016 ông G chỉ còn nợ lại hội chết 36 lần là 1.080.000.000đ (36 x 30.000.000đ).

Như vậy cả 04 phần hội ông G hốt được 1.797.000.000đ, còn nợ nguyên đơn là 2.100.000.000đ tiền hội chưa đóng.

Đối với dây hội 20.000.000đ/tháng, hội có lãi. Hội mở ngày 20/5/2017 DL và kết thúc ngày 20/12/2018 DL. Tiền hoa hồng là 8.000.000đ/lần hốt hội. Có 20 thành viên tham gia với 60 phần và chia làm 03 dây nhỏ, mỗi dây có 20 phần. Hội không bốc thăm, mặc nhiên số tiền lời là 3.000.000đ/lần hốt hội và cũng tương tự như hội 30.000.000đ trên, trong tháng có nhiều phần hội được hốt nhưng sẽ không có hội viên hốt trước, hốt sau, tất cả đều hốt hội 01 lượt. Ông Nguyễn Văn H tham gia 04 phần của 02 dây nhỏ, mỗi dây ông H tham gia 02 phần. Ông Nguyễn Hữu G tham gia 06 phần của 03 dây nhỏ, mỗi dây nhỏ 2 phần. Ông H và ông G đều tham gia cùng dây hội nhỏ.

Đối với ông H trong dây hội 20.000.000đ/tháng:

Hốt hụi ngày 20/5/2017 cả 02 phần hụi của 02 dây nhỏ với số tiền 576.000.000đ tiền hốt hụi do ông Hữu N và ký tên vào bảng chi tiết hốt hụi khai ngày 20/5/2017 và người giao tiền là Nguyễn Phước T1, sau khi hốt 02 phần hụi thì ông H còn nợ 38 lần hụi chết không đóng với số tiền 760.000.000đ ($20.000.000đ \times 38$ lần).

Ngày 20/6/2017 ông H hốt hụi của 02 phần còn lại được số tiền 596.000.000đ ông H nhận và ký tên vào bảng chi tiết hốt hụi khai ngày 20/5/2017 và người giao tiền là Nguyễn Phước T1, 02 phần hụi này ông Hữu Đ được 01 lần hụi sống thì hốt hụi còn nợ lại 36 lần hụi chết chưa đóng với số tiền 720.000.000đ ($36 \times 20.000.000đ$).

Tuy nhiên, lần hốt hụi ngày 20/5/2017 ông H chỉ nợ 36 lần hụi chết vì đã được trừ 40.000.000đ của lần hốt hụi ngày 20/6/2017 nên chỉ nợ hụi chết là 720.000.000đ ($36 \times 20.000.000đ$). Tổng cộng ông Hữu H1 được 02 lần 04 phần 02 dây nhỏ được số tiền 1.172.000.000đ ($576.000.000đ + 596.000.000đ$) nợ 1.440.000.000đ ($720.000.000đ + 720.000.000đ$).

Đối với ông G trong dây hụi 20.000.000đ/tháng:

Ông G đóng được 03 phần hụi sống được 01 lần ngày 20/5/2017 và đến ngày 20/6/2017 hốt cả 03 phần hụi của 03 dây nhỏ, mỗi dây hốt 01 phần được với số tiền 903.000.000đ, tiền hốt hụi do ông G nhận và ký tên vào bảng chi tiết hốt hụi khai ngày 20/5/2017 và người giao tiền là Nguyễn Phước T1, sau khi hốt 03 phần hụi thì ông G còn nợ 54 lần hụi chết không đóng với số tiền 1.080.000.000đ ($20.000.000đ \times 54$ lần).

Ngày 20/7/2017 ông G hốt hụi của 03 phần còn lại của 03 dây nhỏ, mỗi dây hốt 01 phần được số tiền 903.000.000đ, ông G nhận và ký tên vào bảng chi tiết hốt hụi khai ngày 20/5/2017 và người giao tiền là Nguyễn Phước T1, 03 phần hụi này ông G đóng được 02 lần hụi sống thì hốt hụi, còn nợ lại 51 lần hụi chết chưa đóng với số tiền 1.020.000.000đ ($20.000.000đ \times 51$).

Tuy nhiên, lần hốt hụi ngày 20/6/2017 thì hụi chết chỉ còn có 51 lần vì đã được trừ 60.000.000đ của lần hốt hụi ngày 20/7/2017 nên chỉ nợ hụi chết là 1.020.000.000đ ($51 \times 20.000.000đ$).

Tổng cộng ông G hốt hụi được 02 lần của 06 phần 03 dây nhỏ được 1.806.000.000đ ($903.000.000đ + 903.000.000đ$). Nợ hụi chết 2.040.000.000đ ($1.020.000.000đ + 1.020.000.000đ$).

Tổng tất cả ông Hữu H1 được hụi 30 triệu và hụi 20 triệu là: 2.126.000.000đ ($954.000.000đ + 576.000.000đ + 596.000.000đ$). Nợ Hụi chết 2.520.000.000đ ($1.080.000.000đ + 720.000.000đ + 720.000.000đ$), nhưng bản chi tiết hụi ngày 20/5/2017 có trừ sai số tiền 20.000.000đ cho ông H khi hốt hụi nên sẽ trừ vào số

tiền hốt hụi của ông H thực tế chỉ có 2.106.000.000đ (2.126.000.000đ – 20.000.000đ).

Tổng tất cả ông G hốt hụi được hụi 30 triệu và hụi 20 triệu là: 3.603.000.000đ (894.000.000đ + 903.000.000đ + 903.000.000đ + 903.000.000đ). Nợ hụi chết 4.140.000.000đ (1.080.000.000đ + 1.020.000.000đ + 1.020.000.000đ + 1.020.000.000đ).

Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn H và vợ là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lâm Thị Bích P có trách nhiệm trả cho nguyên đơn tiền hốt hụi là 2.106.000.000đ. Yêu cầu bị đơn Nguyễn Hữu Giàu C trách nhiệm trả cho nguyên đơn tiền hụi đã hốt là 3.603.000.000đ. Đối với số tiền hụi chết nguyên đơn góp thay cho bị đơn thì nguyên đơn không yêu cầu.

** Bị đơn là ông Nguyễn Văn H quá trình giải quyết trình bày tại biên bản hoà giải ngày 12/12/2023 và biên bản lấy lời khai ngày 31/7/2024:*

Bà Khuru Kim X có làm chủ 02 dây hụi bị đơn có tham gia: Dây hụi thứ 1: 30.000.000đ/tháng và dây hụi thứ 2 là hụi 20.000.000đ/tháng. Trong 02 dây hụi bị đơn tham gia mấy chân cũng không nhớ và hụi mở ngày nào cũng không nhớ. Tuy nhiên, trong hai dây hụi của bà X bị đơn tham gia và có hốt hụi, có đóng hụi sống nhưng không nhớ bao nhiêu lần và có đóng lại hụi chết nhưng cũng không nhớ bao nhiêu. Bị đơn hốt hụi của từng dây hụi là bao nhiêu tiền cũng không nhớ. Các lần hốt hụi thì có lúc bị đơn nhận có lúc vợ là Lâm Thị Bích P nhận nhưng người giao tiền hụi là ông T1 người làm thuê cho bà X chứ không gặp bà X.

Bị đơn xác định bảng chi tiết hụi ngày 20/5/2017 DL hụi 20 người số tiền hốt 596.000.000đ và chi tiết hụi ngày 20/5/2017 DL hụi 20 người số tiền hốt 576.000.000đ bị đơn có ký tên bên hốt hụi và người giao hụi chính là ông T1. Còn bảng chi tiết Hữu hốt hụi khai ngày 10/11/2016 DL hốt hụi với số tiền 954.000.000đ vợ bị đơn có ký nhận bên hốt hụi là Lâm Thị Bích P.

Khi tham gia chơi hụi có làm danh sách hụi hay không thì không biết và không được nhận danh sách hụi nào hết. Bị đơn xác định có nợ hụi chết của bà X nhưng không nhớ bao nhiêu tiền, nên có thoả thuận với bà X sẽ bán nhà kho trừ nợ, giá bán nhà kho là 5.5 tỷ. Tuy nhiên, nhà kho lúc đó đã thế chấp cho ngân hàng nhưng bà X đồng ý mua nhà kho trừ nợ và bà X hứa sẽ trả nợ ngân hàng cho bị đơn để lấy nhà kho lại nhưng bà X không thực hiện sau đó ngân hàng cũng phát mãi nhà kho bán cho người khác. Việc thoả thuận bán nhà kho chỉ bằng lời nói không làm giấy tờ.

Qua yêu cầu của bà X không đồng ý. Bị đơn xác định còn nợ tiền hụi chết của bà X nhưng không nhớ bao nhiêu nhưng bà X có đến nhà kho của bị đơn lấy vỏ bia trị giá vỏ bia 440.000.000đ thì xem như không còn nợ bà X nữa. Việc lấy

vỏ bìa của bị đơn phía bà X có làm giấy tờ nhưng không có giao cho bị đơn nên không cung cấp được cho Tòa án.

** Bị đơn là ông Nguyễn Hữu G trình bày ý kiến tại văn bản ngày 20/11/2023:*

Theo đơn kiện, Thông báo thụ lý vụ án bị đơn nhận thấy nguyên đơn khởi kiện yêu cầu trả cho nguyên đơn 3.603.000.000 đồng, nguyên đơn cho rằng đây là số tiền nợ hui mà bị đơn đã hót từ năm 2016. Bị đơn nhận thấy và yêu cầu:

- Thứ nhất: bị đơn không giao kết bất kỳ giao dịch nào với bà X (kể cả hui) nên bị đơn không nợ như nguyên đơn trình bày/yêu cầu khởi kiện.

- Thứ hai: Vụ việc được nguyên đơn trình bày sự việc xảy ra là năm 2016.

Theo đó Điều 429 Bộ luật dân sự 2015 quy định thời hiệu khởi kiện về hợp đồng “Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm”.

Do đó, nay bị đơn có yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện để đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được quy định tại điểm e khoản 1 điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 “e) Đang sự có yêu cầu áp dụng thời hiệu trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định giải quyết vụ án và thời hiệu khởi kiện đã hết”

Tại biên bản hoà giải ngày 04/6/2024 bị đơn ông Nguyễn Hữu G trình bày:

Bị đơn xác định 02 dây hui nguyên đơn khởi kiện bị đơn có tham gia và có hót hui như nguyên đơn trình bày và đã đóng hui đầy đủ không còn thiếu tiền hui nữa. Việc đóng hui lại cho nguyên đơn thì không có làm giấy tờ vì theo dân gian việc chơi hui là bằng niềm tin. Thời gian chơi hui từ năm 2016, 2017 đến nay đã mãn hui nay nguyên đơn khởi kiện là đã hết thời hiệu khởi kiện nên không có quyền khởi kiện nữa.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/6/2024 bị đơn Nguyễn Hữu G trình bày:

Đối với dây hui 30.000.000đ ngày 10/11/2016 DL có 20 người tham gia, bị đơn tham gia 4 chân và có hót hui hết 4 chân hui, sau đó đóng hui chết xong, hui gần mãn nên tiếp tục tham gia dây hui 20.000.000đ ngày 20/5/2017 DL có 20 người, bị đơn tham gia 6 chân nhưng chỉ hót được 4 chân hui cũng đã đóng xong hui chết còn 2 chân chưa được hót lý do bà X ngưng ngang nhưng không biết lý do gì. Bị đơn không có chứng cứ chứng minh cho việc đã đóng xong hui chết vì việc chơi hui là niềm tin với nhau.

Đối với danh sách hội viên ngày mở hội 20/5/2017 dương lịch kết thúc ngày 20/12/2018 có 60 phần và danh sách hội viên 40 phần ngày mở hội 10/11/2016 dương lịch mà nguyên đơn nộp cho Tòa án thì bị đơn xác định không phải danh sách hội mà bị đơn đã hốt hội theo chi tiết hội 20/5/2017 DL hội 20 người và chi tiết hốt hội 30.000.000đ khai ngày 10/11/2016 DL mà bị đơn đã hốt hội.

Việc tham gia chơi hội do bà X làm chủ thì không được nhận danh sách hội viên.

**Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:*

1. Bà Lâm Thị Bích P trình bày: là vợ ông H, thống nhất lời trình bày ông H.
2. Ông Nguyễn Phước T1 trình bày tại văn bản tự khai ngày 09/01/2024:

Ngày 04/10/2010 bà X đã mời ông về để thay mặt bà X1 trực tiếp điều hành và quản lý toàn bộ hoạt động kinh doanh bán bia của công ty. Ngoài ra, bà X làm chủ các dây hội lớn, nhưng không biết cụ thể là có bao nhiêu người chơi hội và tổng số tiền là bao nhiêu đối với từng dây hội. Bà X đã giao công việc cho ông là đi thu tiền hội và trả tiền hội, kết sổ hội đối với từng hội viên theo sự chỉ đạo của bà X và sau đó báo cáo kết quả cho bà X được biết. Trong những hội viên của bà Khưu Kim X tại địa bàn quận T, thành phố Cần Thơ thì có vợ chồng ông Nguyễn Văn H (em ông Nguyễn Hữu G) và ông Nguyễn Hữu G. Việc ông trực tiếp giao nhận hội cho ông Nguyễn Văn H và ông Nguyễn Hữu G được thực hiện cụ thể như sau:

Đối với ông Nguyễn Văn H:

- Ngày 10/12/2016, ông trực tiếp giao tiền mặt số tiền là 954.000.000 đồng cho ông Nguyễn Văn H, nhưng số tiền này do vợ của ông H là bà Lâm Thị Bích P nhận thay và có ký biên nhận tiền.

- Ngày 20/05/2017, ông trực tiếp giao tiền mặt cho ông Nguyễn Văn H số tiền là 576.000.000 đồng.

- Ngày 20/06/2017, ông trực tiếp giao tiền mặt cho ông Nguyễn Văn H số tiền là 596.000.000 đồng.

Tổng số tiền hội ông đã giao trực tiếp cho vợ chồng ông Nguyễn Văn H là: 2.126.000.000đ và họ đều có ký biên nhận tiền.

Đối với Ông Nguyễn Hữu G:

- Ngày 10/11/2016, ông trực tiếp giao tiền mặt cho ông Nguyễn Hữu G số tiền là 894.000.000 đồng.

- Ngày 10/01/2017, ông trực tiếp giao tiền mặt cho ông Nguyễn Hữu G số tiền là 903.000.000 đồng.

- Ngày 20/06/2017, ông trực tiếp giao tiền mặt cho ông Nguyễn Hữu G số tiền là 903.000.000 đồng.

- Ngày 20/07/2017, ông trực tiếp giao tiền mặt cho ông Nguyễn Hữu G số tiền là 903.000.000 đồng.

Tổng số tiền hội ông đã trực tiếp giao cho ông Nguyễn Hữu G là: 3.603.000.000đ và ông Nguyễn Hữu G đều có ký biên nhận tiền.

Toàn bộ bản chính các biên nhận tiền hội, chốt hội với các hội viên thì đều báo cáo và giao lại hết toàn bộ bản chính các giấy tờ này để bà K Kim Xuyên lưu giữ và thực hiện việc chỉ đạo đòi nợ. Bà X cũng nhiều lần chỉ đạo ông liên hệ với vợ chồng ông Nguyễn Văn H và Nguyễn Hữu G đề đòi các khoản tiền nợ hội nêu trên. Tuy nhiên, khi liên hệ thì thường không được sự hợp tác và nhiều khi còn bị quát tháo là nợ với bà X thì để cho bà X trực tiếp liên hệ đòi chứ ông không có quyền đòi nợ họ.

Đề nghị vắng mặt tại các phiên hoà giải, công bố chứng cứ, các phiên toà sơ thẩm, phúc thẩm.

**Người làm chứng là ông Lê Ngọc V trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 18/11/2024:*

Ông có tham gia chơi hội do bà X làm chủ. Trong đó ông tham gia chơi dây hội 30.000.000đ mở vào ngày 10/11/2016 tham gia 01 phần và hội 20.000.000đ mở vào ngày 20/5/2017 tham gia 03 phần. Các dây hội trên đều mãn hội đúng thời hạn và không bị bể hội. Lúc chơi hội của bà X thì bà X có giao cho ông danh sách hội viên. Ông xác định danh sách hội viên 60 phần chia làm 3 dây, mỗi dây 20 phần mở hội ngày 20/5/2017, hội 20.000.000đ/tháng và danh sách hội viên 40 phần chia làm 2 dây, mỗi dây 20 phần, ngày mở hội 10/11/2016, hội 30.000.000đ/tháng đúng là danh sách mà trước đây bà X đã đưa cho ông khi chơi hội. Ông H và ông G thì có tham gia chung với ông, ông G và ông H có hót hội nhưng việc ông H, ông Giàu C đóng hội hay không thì không biết.

Đối với việc trong tháng có nhiều phần hội được hót hay không thì không biết do đó là vấn đề của chủ hội, ông chỉ là hội viên. Đề nghị vắng mặt trong các giai đoạn tố tụng tại các cấp Toà án và đối chất (nếu có).

- Tại bản án dân sự sơ thẩm số 16/2025/DSST ngày 21 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt (nay là Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cần Thơ) đã tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Khru Kim X.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lâm Thị Bích P có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn Khru Kim X số tiền

2.106.000.000đ (*hai tỷ một trăm linh sáu triệu đồng*).

Buộc bị đơn ông Nguyễn Hữu Giàu C trách nhiệm trả cho nguyên đơn Khuru Kim Xuyến số tiền 3.603.000.000đ (*ba tỷ sáu trăm linh ba triệu đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người bị thi hành án chậm trả số tiền trên, còn phải chịu lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Khuru Kim X được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 56.864.000đ (*năm mươi sáu triệu tám trăm sáu mươi bốn nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004154 ngày 16/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn ông Nguyễn Văn H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lâm Thị Bích P phải chịu 74.120.000đ (*bảy mươi bốn triệu một trăm hai mươi nghìn đồng*).

Bị đơn ông Nguyễn Hữu G phải chịu 104.060.000đ (*một trăm linh bốn triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng*).

Về chi phí giám định: hết 13.208.000đ (*mười ba triệu hai trăm linh tám nghìn đồng*) nguyên đơn đã nộp và chi xong. Bị đơn ông Nguyễn Hữu G phải nộp để chuyển trả cho nguyên đơn.

Bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của các bên theo luật định.

Tại đơn kháng cáo đề ngày 31 tháng 3 năm 2025, bị đơn – ông Nguyễn Hữu G cho rằng việc Bản án sơ thẩm số 16/2025/DS-ST ngày 21/3/2025 của Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Khuru Kim X, buộc ông Nguyễn Hữu Giàu C trách nhiệm trả cho bà K Kim Xuyến số tiền 3.603.000.000 đồng là chưa khách quan, chưa phù hợp quy định pháp luật, gây ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của ông. Ông yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Khuru Kim X, đồng thời yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ đình chỉ giải quyết vụ án do đã hết thời hiệu khởi kiện.

Tại đơn kháng cáo đề ngày 02 tháng 4 năm 2025, bị đơn – ông Nguyễn Văn H cho rằng việc Bản án sơ thẩm số 16/2025/DS-ST ngày 21/3/2025 của Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Khuru Kim X, buộc ông Nguyễn Văn H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lâm Thị Bích P có trách nhiệm trả cho bà K Kim Xuyến số tiền 2.106.000.000 đồng là chưa khách quan, chưa phù hợp quy định pháp luật, gây ảnh hưởng đến quyền

lợi hợp pháp của ông. Ông yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Khuru Kim X.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – bà Phan Nguyễn Hoa T trình bày: Thống nhất với bản án sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị đơn – Ông Nguyễn Hữu G trình bày: Vẫn giữ nguyên kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Khuru Kim X, đồng thời đình chỉ giải quyết vụ án do đã hết thời hiệu khởi kiện. Đề nghị phía nguyên đơn phải cung cấp tất cả các giấy tờ chứng minh cho khoảng tiền 3 tỷ yêu cầu bị đơn trả.

Bị đơn – Ông Nguyễn Văn H trình bày: Vẫn giữ nguyên kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm để giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tại phiên tòa: Người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, các quy định pháp luật liên quan, đại diện Viện kiểm sát cho rằng các bị đơn G và H thừa nhận có chơi hụi và hốt hụi như nguyên đơn trình bày, các bị đơn G và H cho rằng đã đóng lại hụi chết cũng như trả tiền cho nguyên đơn xong, hiện không còn nợ tiền của nguyên đơn nhưng không có chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày đó. Trong khi đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã phù hợp với lời trình bày của ông Nguyễn Phước T1 và người làm chứng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện và các chứng cứ đã thẩm tra cho thấy, các bên tranh chấp hợp đòi lại tài sản từ giao dịch hụi. Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt đã thụ lý là đúng thẩm quyền và xác định đúng quan hệ tranh chấp theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Căn cứ bảng chi tiết hụi ngày 20/5/2017 (dương lịch) với 20 người chơi, trong đó thể hiện ông Nguyễn Văn H đã hốt số tiền 596.000.000 đồng và 576.000.000 đồng, có chữ ký xác nhận của ông H tại phần người hốt hụi; đồng thời, tại bảng chi tiết hụi khai ngày 10/11/2016 (dương lịch), thể hiện số tiền hốt hụi là 954.000.000 đồng có chữ ký của bà Lâm Thị Bích P – vợ ông H – với tư cách

người nhận tiền. Ngoài ra, bà P cũng thống nhất với lời trình bày của ông H trong quá trình giải quyết vụ án. Các tài liệu và lời khai nêu trên phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn, qua đó có cơ sở xác định ông Nguyễn Văn H là người đã tham gia dây hui do nguyên đơn làm chủ và đã hốt hui trong các lần nêu trên.

[3] Mặc dù tại đơn trình bày ngày 20/11/2023 (bút lục 33), bị đơn Nguyễn Hữu G cho rằng không giao kết bất kỳ giao dịch hui nào với bà X và không nợ như nguyên đơn trình bày, nhưng tại biên bản hòa giải ngày 04/6/2024 (bút lục 86, 87), bị đơn lại xác định có tham gia hai dây hui do nguyên đơn làm chủ, đã hốt hui và hoàn tất việc đóng hui chết. Sau đó, tại biên bản ghi lời khai ngày 26/6/2024 (bút lục 88), bị đơn tiếp tục thừa nhận đã tham gia dây hui 30.000.000 đồng khai ngày 10/11/2016 (20 người, 4 chân) và dây hui 20.000.000 đồng khai ngày 20/5/2017 (20 người, 6 chân, hốt được 4 chân, còn 2 chân chưa hốt do bà X ngưng hui). Kết luận giám định số 36/KL-KTHS-TL ngày 07/4/2024 của Phòng K1 Công an T2 xác định chữ viết và chữ ký mang tên Nguyễn Hữu G trên các bảng chi tiết hui đều do ông G thực hiện. Các bảng chi tiết thể hiện bị đơn đã hốt hui 4 lần, tổng cộng số tiền là 3.603.000.000 đồng. Mặc dù bị đơn cho rằng không được cung cấp danh sách hui viên, và danh sách do nguyên đơn cung cấp không trùng khớp với các dây hui đã hốt, nhưng khi đối chiếu các bảng chi tiết hốt hui với danh sách hui viên do nguyên đơn xuất trình và lời khai của nguyên đơn, thấy hoàn toàn phù hợp nhau. Sự phù hợp này còn được xác nhận bởi lời khai ngày 18/11/2024 của người làm chứng Lê Ngọc V (bút lục 103), người trực tiếp tham gia cùng hai dây hui nêu trên và xác nhận danh sách hui viên do bà X cung cấp là đúng với thực tế. Như vậy, có đủ cơ sở xác định ông Nguyễn Hữu Giàu C tham gia và hốt hui trong hai dây hui do bà X làm chủ, với tổng số tiền đã hốt là 3.603.000.000 đồng.

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn H thừa nhận có nợ hui chết của bà Khuru Kim X nhưng không nhớ rõ số tiền cụ thể; ông cho rằng giữa hai bên đã có thỏa thuận bán nhà kho (hiện đang thế chấp ngân hàng) với giá 5,5 tỷ đồng để trừ nợ, song sau đó bà X không thực hiện việc mua bán như thỏa thuận và có đến lấy vỏ bia trị giá 440.000.000 đồng tại nhà kho của ông H. Ông H cho rằng việc này xem như đã thanh toán xong khoản nợ. Tương tự, ông Nguyễn Hữu G cũng xác nhận đã đóng tiền hui và không còn nợ hui bà X. Tuy nhiên, cả ông H và ông G đều không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho lời trình bày của mình, trong khi nguyên đơn không thừa nhận các tình tiết này. Căn cứ theo Điều 17 và Điều 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP (thay thế Nghị định 144/2006/NĐ-CP), thành viên đã lĩnh hui có nghĩa vụ tiếp tục góp phần hui cho đến khi kết thúc dây hui, và chủ hui có quyền yêu cầu thành viên không góp phần hui phải hoàn trả phần hui đã được chủ hui góp thay. Tổng số

tiền hội chết ông H còn nợ là 2.520.000.000 đồng, ông G là 4.140.000.000 đồng; tuy nhiên, nguyên đơn chỉ yêu cầu ông H, bà Lâm Thị Bích P liên đới trả 2.106.000.000 đồng và yêu cầu ông G trả 3.603.000.000 đồng – thể hiện sự thiện chí và có lợi cho các bị đơn. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ pháp lý, phù hợp quy định tại Nghị định 19/2019/NĐ-CP và cần được chấp nhận.

[5] Đối với yêu cầu của ông G về việc áp dụng thời hiệu khởi kiện để đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn theo điểm e khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 là không có cơ sở, như đã được phân tích tại mục [3] của bản án. Ngoài ra, việc ông G cho rằng đã chuyển hồ sơ sang Công an quận T để điều tra hành vi có dấu hiệu vu khống của bà X cũng không có căn cứ, bởi theo Văn bản số 42/CAQ-KT ngày 11/6/2024 của Công an quận T, nội dung tố giác của ông G không có dấu hiệu tội phạm hình sự.

[6] Trong đơn kháng cáo, ông G còn cho rằng nguyên đơn phải cung cấp sổ hội để chứng minh sổ hội của ông và các thành viên khác. Căn cứ theo Điều 9 và Điều 15 Nghị định 144/2006/NĐ-CP, chủ hội không nhất thiết phải có giấy tờ ký tên của từng người chơi hội, mà có thể lập sổ theo dõi hoặc các giấy tờ liên quan đến hộ (dây) hội. Bản kê mà bà X cung cấp đã thể hiện rõ tên người tham gia, số tiền góp, thời gian góp, phù hợp với quy định pháp luật.

[7] Từ những nhận định trên cho thấy, bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ chấp nhận. Vì thế, theo quy định của Điều 148 Bộ luật dân sự, bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Buộc ông Nguyễn Văn H và bà Lâm Thị Bích P có trách nhiệm liên đới trả cho bà Khưu Kim X số tiền 2.106.000.000đ (*hai tỷ một trăm lẻ sáu triệu đồng*).

- Buộc ông Nguyễn Hữu Giàu C trách nhiệm trả cho bà K Kim Xuyến số tiền 3.603.000.000đ (*ba tỷ sáu trăm lẻ ba triệu đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người bị thi hành án chậm trả số tiền trên, còn phải chịu lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Khưu Kim X được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 56.864.000đ (*năm mươi sáu triệu tám trăm sáu mươi bốn nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004154 ngày 16/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Cần Thơ).

- Ông Nguyễn Văn H và bà Lâm Thị Bích P phải chịu 74.120.000đ (*bảy mươi bốn triệu một trăm hai mươi nghìn đồng*).

- Ông Nguyễn Hữu G phải chịu 104.060.000đ (*một trăm lẻ bốn triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng*).

3. Về chi phí giám định: Ông Nguyễn Hữu G phải hoàn trả lại cho bà Khưu Kim X số tiền 13.208.000đ (*mười ba triệu hai trăm lẻ tám nghìn đồng*).

4. Về án phí dân sự phúc thẩm:

- Ông Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*). Chuyển tiền tạm ứng án phí mà ông H đã nộp theo Biên lai thu số 0002654 ngày 02/04/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Cần Thơ) thành án phí, coi như ông H đã nộp xong.

- Ông Nguyễn Hữu G phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*). Chuyển tiền tạm ứng án phí mà ông G đã nộp theo Biên lai thu số 0002656 ngày 04/04/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Cần Thơ) thành án phí, coi như ông G đã nộp xong.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- TAND khu vực 4 – Cần Thơ;
- Phòng THADS khu vực 4 – Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Chế Linh